

Số: /2025/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và
sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ Quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngàytháng..... năm 2025 và Công văn số/UBND-TH ngày.....tháng.....năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra sốBC- KTNS ngày...tháng...năm 2025 của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật phí, lệ phí.

b) Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định về mức thu, miễn, giảm các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Mức thu, miễn, giảm các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

2. Các nội dung khác về mức thu, miễn, giảm các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Kê khai, nộp phí, lệ phí

1. Đối tượng nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí cho tổ chức thu phí theo hình thức quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

2. Định kỳ hàng tháng, tổ chức thu phí, lệ phí phải gửi số tiền phí, lệ phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí, lệ phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

3. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, thu, nộp và quyết toán phí theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Việc kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

1. Đối với phí:

a) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước. Mức tỷ lệ điều tiết của từng loại phí chi tiết theo phụ lục đính kèm.

c) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%, được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với lệ phí: Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, đơn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 292/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu,

nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 292/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 Quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Nghị quyết số 213/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 292/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 Quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Nghị quyết số 400/2023/NQ-HĐND ngày 15/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

đ) Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí theo Luật phí và lệ phí năm 2015 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình.

e) Nghị quyết số 39/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí theo Luật phí và lệ phí năm 2015 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

g) Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

h) Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 50/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí,

lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Bình và Mục 2 Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 09/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

i) Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình sửa đổi điểm 1.2 khoản 1 mục IV Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Bình và bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

k) Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định về mức thu, đơn vị tính và tỷ lệ điều tiết phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa - kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH